

Dì'wǔ Kè : Nǐ zài zuò shénme ?

Name :

Learn new words and phrases

Word (pinyin)	Word(Hanzi)	Type meaning in Bahasa Melayu	Speak in Mandarin
kàn shū	看书		
dǎ diànhuà	打电话		
qīngzhēnsì	清真寺		
zuò lǐbài	做礼拜		
zhèngzài	正在		
xǐ yīfu	洗衣服		
gòuwù zhōngxīn	购物中心		
mǎi dōngxi	买东西		
dǎqiú	打球		
dǎsǎo fángjiān	打扫房间		
xǐhuan	喜欢		
chànggē	唱歌		
tiàowǔ	跳舞		
kàn diànyǐng	看电影		
kěyǐ	可以		
diànnǎo yóuxì	电脑游戏		
tóngxué	同学		